

# HỆTL VN30 - TÍN HIỆU TÍCH CỰC TRỞ LẠI

MBS Research | BẢN TIN PHÁI SINH | 08/10/2019



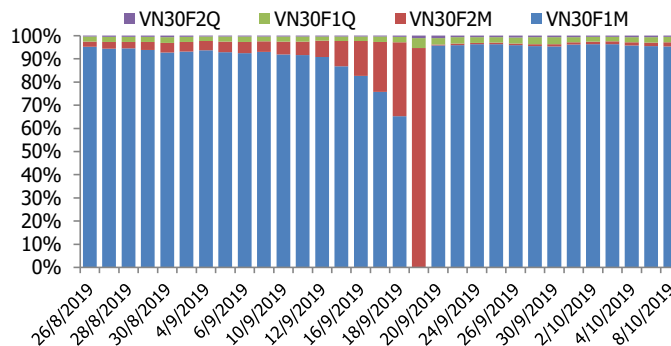
## BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



## THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

| MÃ        | Ngày đáo hạn | Số ngày | Đóng cửa | OI     |
|-----------|--------------|---------|----------|--------|
| VN30F1910 | 10/17/2019   | 9       | 916,60   | 21.696 |
| VN30F1911 | 11/21/2019   | 44      | 917,30   | 424    |
| VN30F1912 | 12/19/2019   | 72      | 915,10   | 509    |
| VN30F2003 | 3/19/2020    | 163     | 913,50   | 123    |

## TỶ TRỌNG VỊ THẾ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Thị trường chứng khoán trong nước có phiên hồi phục sau 2 phiên giảm liên tiếp nhờ khối ngoại giảm bán ròng và đà phục hồi cũng được dẫn dắt bởi nhóm cổ phiếu ngân hàng, đặc biệt là cổ phiếu VCB đã vượt đỉnh lịch sử. Đóng cửa, chỉ số VN-Index tăng 5,13 điểm (+0,52%) lên 988,22 điểm, chỉ số VN30 tiến 8,21 điểm (+0,91%) đạt 915,27 điểm. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ so phiên hôm qua, giá trị khớp lệnh đạt mức 2.900 tỷ đồng. Khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả 3 sàn nhưng áp lực đã giảm đáng kể với giá trị 26 tỷ đồng.
- Sau hai phiên giảm điểm liên tiếp, thị trường đã hồi phục trở lại trong phiên giao dịch ngày hôm nay giúp cả 4 hợp đồng tương lai ghi nhận mức tăng giá từ 2,7 đến 5 điểm, tuy nhiên vẫn thấp hơn so với mức tăng 7,77 điểm của chỉ số cơ sở. Động lực hồi phục đến từ nhóm CP ngân hàng và có thể góp phần thúc đẩy chỉ số trong những phiên giao dịch tiếp theo. Tuy nhiên, phần lớn các cổ phiếu đang trong quá trình test đáy ngắn hạn nên trước mắt chỉ số VN30 duy trì trạng thái tăng chậm và ít biến động mạnh. Giao dịch ngắn hạn vì thế không nên mở vị thế mua đuổi trong những phiên tăng giá, thay vì vậy nên mua trong những phiên điều chỉnh xen kẽ.
- Về kỹ thuật, VN30 tăng mạnh lấy lại toàn bộ số điểm đã mất trong phiên hôm qua. Khối lượng khớp lệnh cải thiện và nằm trên đường SMA 20 ngày cho thấy lực cầu khá mạnh. Nếu dòng tiền duy trì trạng thái này và khối ngoại giảm bán ròng trong những phiên tới thì chỉ số có cơ hội test lại ngưỡng cản 920-925 điểm. Ở chiều ngược lại, vùng hỗ trợ của đường MA20 ngày và ngưỡng Fibo 50% (905-908 điểm) sẽ là hỗ trợ mạnh của chỉ số.

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

### Chiến lược giao dịch trong ngày

Hoạt động trading trong phiên sẽ được ưu tiên trong giai đoạn này. Các ngưỡng hỗ trợ tốt của chỉ số tại 915-912-909 điểm, trong khi các ngưỡng kháng cự tại 919-922-925 điểm.

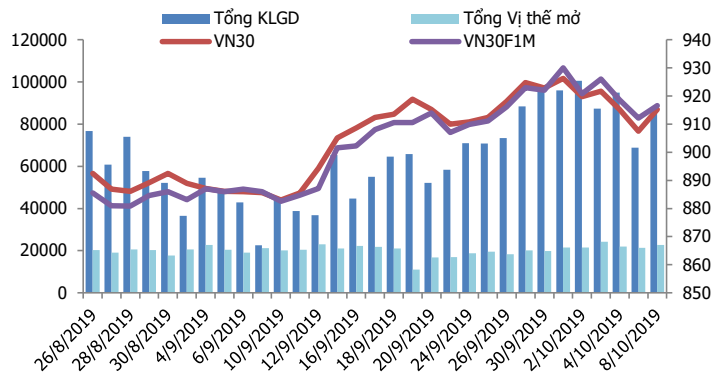
### Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Thị trường tiếp tục rung lắc mạnh với những phiên tăng giảm đan xen, do đó hoạt động nắm giữ vị thế qua đêm chưa được khuyến khích.

### Chiến lược giao dịch spread

Hạn chế giao dịch chênh lệch giá và chờ đợi những tín hiệu mua bán rõ ràng hơn.

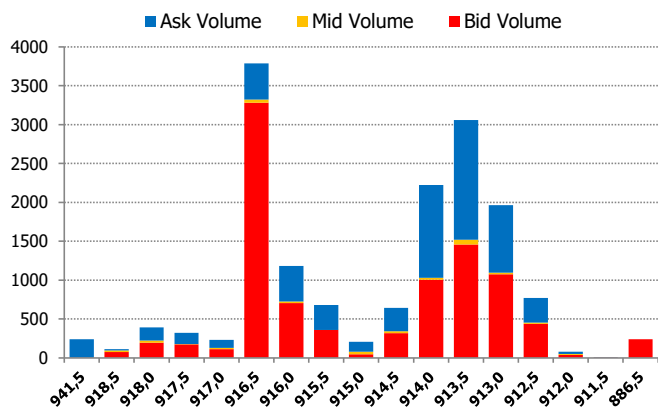
**DIỄN BIẾN THANH KHOẢN HẾT L**



**DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HẾT L CÁC KỲ HẠN**

| Hợp đồng    | Giá   | % Chg | KLGD   | % Chg | OI     | % Chg |
|-------------|-------|-------|--------|-------|--------|-------|
| VN30F1910   | 916,6 | 0,48  | 84.929 | 24,1  | 21.696 | 7     |
| VN30F1911   | 917,3 | 0,57  | 393    | 28,4  | 424    | 34,2  |
| VN30F1912   | 915,1 | 0,55  | 53     | -53,5 | 509    | -1,5  |
| VN30F2003   | 913,5 | 0,30  | 24     | -17,2 | 123    | 2,5   |
| <b>Tổng</b> |       |       | 85.399 | 24,0  | 22.752 | 6,7   |

**THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M**



**NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HẾT L**

- Sau hai phiên giảm điểm liên tiếp, thị trường đã hồi phục trở lại trong phiên giao dịch ngày hôm nay
- giúp cả 4 hợp đồng tương lai ghi nhận mức tăng giá từ 2,7 đến 5 điểm, tuy nhiên vẫn thấp hơn so với mức tăng 7,77 điểm của chỉ số cơ sở. HẾT L VN30F1M tăng 4,4 điểm lên 916,6 điểm và duy trì basis dương 1,33 điểm.
  - Thanh khoản thị trường được cải thiện mạnh so với phiên trước, tổng khối lượng giao dịch toàn thị trường đạt 85.399 hợp đồng tăng 24%. Trong đó, thanh khoản tập trung phần lớn ở HẾT L tháng 10 với 84.929 hợp đồng.
  - Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo cho phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F1910 là 916,59 điểm (thấp hơn 0,01 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F1911 là 921,72 điểm (+4,42 điểm), VN30F1912 là 925,85 điểm (+10,75 điểm) và VN30F2003 là 939,40 điểm (+25,90 điểm).

**XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M**

| Khung thời gian | 15m            | 1h             | Daily          |
|-----------------|----------------|----------------|----------------|
| Tổng kết        | <b>BUY</b>     | <b>BUY</b>     | <b>NEUTRAL</b> |
| Hỗ trợ          | <b>912-915</b> | <b>912-915</b> | <b>909-912</b> |
| Kháng cự        | <b>919-922</b> | <b>920-922</b> | <b>926-929</b> |

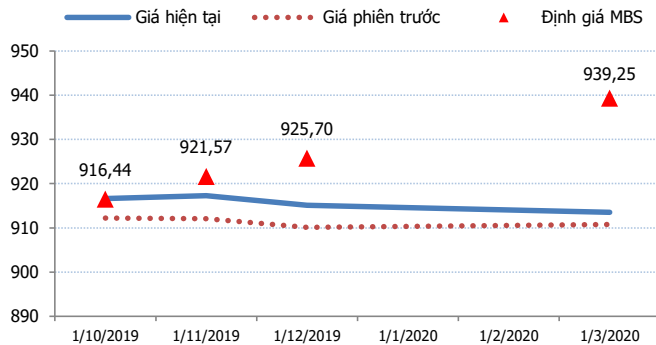
**ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M**



**DIỄN BIẾN CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL**

| Spread HĐTL       | Hiện tại | Phiên trước | +/-  | MA5   |
|-------------------|----------|-------------|------|-------|
| VN30F2M - VN30F1M | 0,7      | -0,10       | 0,8  | -0,46 |
| VN30F1Q - VN30F1M | -1,5     | -2,10       | 0,6  | -3,12 |
| VN30F1Q - VN30F2M | -2,2     | -2,00       | -0,2 | -2,66 |
| VN30F2Q - VN30F1M | -3,1     | -1,40       | -1,7 | -2,86 |
| VN30F2Q - VN30F2M | -3,8     | -1,30       | -2,5 | -2,4  |
| VN30F2Q - VN30F1Q | -1,6     | 0,70        | -2,3 | 0,26  |

**ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN**



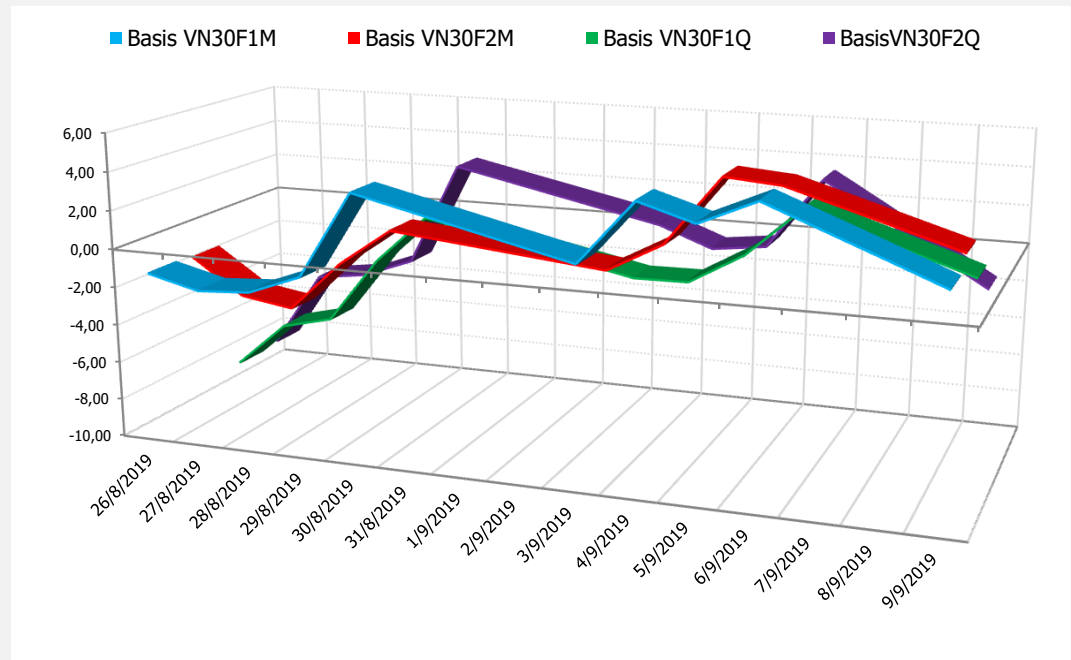
**DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M**



**NHẬN ĐỊNH CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL**

- Sau hai phiên giảm điểm liên tiếp, thị trường đã hồi phục trở lại trong phiên giao dịch ngày hôm nay giúp cả 4 hợp đồng tương lai ghi nhận mức tăng giá từ 2,7 đến 5 điểm, tuy nhiên vẫn thấp hơn so với mức tăng 7,77 điểm của chỉ số cơ sở. Do đó, basis của các HĐTL cũng được điều chỉnh nhẹ so với phiên liền trước. Cụ thể, hợp đồng kỳ hạn tháng 10 hiện đang cao hơn 1,33 điểm so với VN30, trong khi hợp đồng kỳ hạn tháng 3/2020 lại thấp hơn chỉ số cơ sở gần 2 điểm.
- Ngoài ra, chênh lệch giá giữa các hợp đồng tương lai thay đổi không đáng kể so với phiên liền trước, chỉ dao động trong khoảng -3,8 đến +0,7 điểm. Trong phần lớn thời gian phiên giao dịch, các hợp đồng duy trì những diễn biến đồng pha, bám sát nhau. Do đó, những diễn biến chênh lệch trên vẫn khó có thể tạo cơ hội kiếm lời từ chênh lệch giá cho nhà đầu tư.

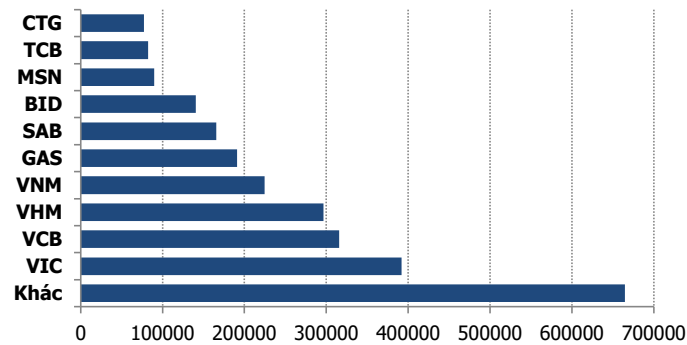
**DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL**



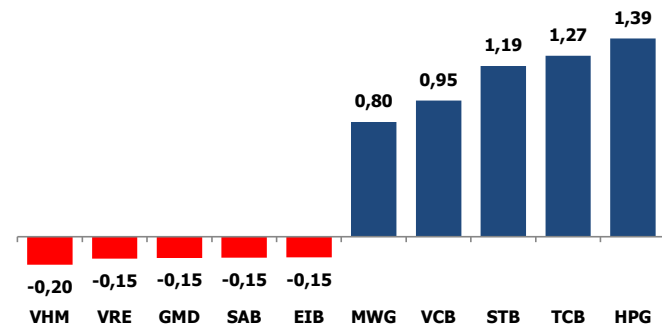
**THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ**

|                              | VNIndex | VN30   |
|------------------------------|---------|--------|
| <b>Đóng cửa</b>              | 988,22  | 915,27 |
| <b>Thay đổi</b>              | #N/A    | #N/A   |
| <b>%Chg</b>                  | 0,52    | #N/A   |
| <b>YTD</b>                   | 10,72   | #N/A   |
| <b>Vốn hóa (ngh.tỷ đồng)</b> | #N/A    | #N/A   |
| <b>P/E</b>                   | 16,85   | #N/A   |
| <b>P/B</b>                   | #N/A    | #N/A   |

**TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30**



**CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX**



**NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30**

- Phiên giao dịch diễn ra khá tích cực với sự khởi sắc của nhóm Bluechips. Các cổ phiếu như VCB, HPG, MSN, REE, MWG, VJC, FPT...đồng loạt tăng giá đã giúp thị trường lấy lại sắc xanh. Trong đó, VCB hiện tăng 1.400 đồng lên 84.200 đồng là cổ phiếu tác động tích cực nhất tới thị trường. Nhóm ngân hàng, chứng khoán, bất động sản cũng tăng giá khá tốt giúp thị trường thêm phần sôi động.
- Chốt phiên, chỉ số VN30 tăng 7,77 điểm (+0,86%) lên 915,27 điểm. Hệ số tăng/giảm ghi nhận có 20 mã tăng/09 mã giảm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 77,35 triệu cổ phiếu tương ứng giá trị 2.190 tỷ đồng.
- Khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả 3 sàn nhưng áp lực đã giảm đáng kể với giá trị 26 tỷ đồng. Trong đó, lực bán tập trung chủ yếu vào VRE (24,8 tỷ đồng), GAS (20,25 tỷ đồng), HPG (11,5 tỷ đồng), TNA (9 tỷ đồng)...Ở chiều ngược lại, họ mua ròng các mã như VCB (60 tỷ đồng), KBC (7,75 tỷ đồng),...

**ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30**



**DIỄN BIẾN CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI**

| Chỉ số            | Điểm số   | %Chg   | P/E   | YTD   |
|-------------------|-----------|--------|-------|-------|
| <b>VNIndex</b>    | 988,22    | 0,52   | 16,85 | 10,72 |
| <b>Dow Jones</b>  | 26.164,04 | (1,19) | 17,45 | 12,16 |
| <b>S&amp;P500</b> | 2.893,06  | (1,56) | 19,02 | 15,41 |
| <b>Nikkei 225</b> | 21.403,70 | (0,85) | 15,32 | 6,94  |
| <b>Shanghai</b>   | 2.913,57  | 0,29   | 14,14 | 16,83 |
| <b>DAX</b>        | 11.970,20 | (1,05) | 19,46 | 13,37 |
| <b>Vàng</b>       | 1.506,05  | 0,04   |       | 17,43 |
| <b>Dầu WTI</b>    | 52,45     | (0,34) |       | 15,50 |

**LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI**

|   | Kỳ trước        | Dự báo  | Thực tế |
|---|-----------------|---------|---------|
| <b>Thứ Hai - 07/10/2019</b>                   |                 |         |         |
| Đức- Đơn hàng nhà máy T9                      | -2,10%          | -0,40%  | -0,60%  |
| Mỹ- Tín dụng tiêu dùng T9                     | 23,3 tỷ         | 14,9 tỷ | 17,9 tỷ |
| <b>Thứ Ba- 08/10/2019</b>                     |                 |         |         |
| Đức- Sản xuất công nghiệp T9                  | -0,60%          | -0,20%  | -0,40%  |
| Mỹ - Phát biểu của chủ tịch Fed Jerome Powell |                 |         |         |
| <b>Thứ Tư - 09/10/2019</b>                    |                 |         |         |
| Mỹ- Biên bản họp T9 của Fed                   |                 |         |         |
| Mỹ- Tồn kho dầu thô hàng tuần                 | 3,1 triệu thùng |         |         |
| <b>Thứ Năm - 10/10/2019</b>                   |                 |         |         |
| Mỹ- Lạm phát lõi T9                           | 0,30%           | 0,20%   |         |

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI**

- Thị trường chứng khoán Mỹ giảm điểm mạnh trong phiên giao dịch ngày thứ Ba, khi căng thẳng Mỹ-Trung tăng cao trước thêm vòng đàm phán tuần này. Đồng Bảng Anh sụt giá mạnh do thông tin nói rằng đàm phán Brexit có nguy cơ đổ vỡ. Lúc đóng cửa, chỉ số Dow Jones giảm 1,19%, còn 26.164,04 điểm. Chỉ số S&P 500 tụt 1,56%, còn 2.893,06 điểm. Chỉ số Nasdaq trượt 1,67%, còn 7.283,87 điểm.
- Dầu tiếp tục giảm khi căng thẳng leo thang trước thêm đàm phán thương mại Mỹ - Trung. Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Ba, hợp đồng dầu thô ngọt nhẹ WTI giao tháng 11 trên sàn Nymex lùi 12 xu (tương đương 0,2%) xuống 52,63 USD/thùng. Hợp đồng dầu Brent giao tháng 12 trên sàn Luân Đôn mất 11 xu (tương đương 0,2%) còn 58,24 USD/thùng.
- Vàng đảo chiều suy yếu vào cuối phiên khi chỉ số đồng USD tăng 0,2% lên 99.171, trở lại mức cao nhất kể từ tháng 4/2017. Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Ba, hợp đồng vàng giao tháng 12 hạ 50 xu (tương đương 0,03%) xuống 1.503,90 USD/oz.

**NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30**

HPG tăng 600 đồng lên 21.900 đồng và đóng góp 1,42 điểm vào đà tăng của chỉ số VN30. Về mặt kỹ thuật, HPG đang dao động đi ngang với cận trên là vùng 23.000-24.000 đồng và cận dưới là 20.000-21.000 đồng. Đường giá tiếp tục nằm dưới các đường MA quan trọng và các chỉ báo kỹ thuật vẫn cho tín hiệu bán nên xu thế giảm có sẽ tiếp tục diễn ra.

**Phân tích kỹ thuật cổ phiếu HPG**  
Tạo đáy ngắn hạn



## DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

| Cổ phiếu | Ngành                             | Tỷ trọng (%) | Giá     | %Chg  | H-L   | GTGD    | Điểm tác động | PE    | PB   |
|----------|-----------------------------------|--------------|---------|-------|-------|---------|---------------|-------|------|
| VNM      | Food Producers                    | 9,94         | 129.000 | -0,08 | 0,54% | 69,287  | -0,07         | 23,60 | 7,93 |
| TCB      | Banks                             | 8,15         | 23.550  | 1,73  | 1,73% | 45,24   | 1,27          | 9,35  | 1,47 |
| VIC      | Real Estate Investment & Services | 7,53         | 117.100 | 0,09  | 0,77% | 41,329  | 0,06          | 71,25 | 4,75 |
| VPB      | Banks                             | 5,76         | 22.000  | 1,15  | 1,38% | 136,789 | 0,60          | 7,36  | 1,41 |
| VJC      | Travel & Leisure                  | 5,66         | 137.400 | 0,00  | 0,51% | 68,548  | 0,00          | 13,95 | 5,30 |
| HPG      | General Industrials               | 5,52         | 21.900  | 2,82  | 3,06% | 85,919  | 1,39          | 7,93  | 1,37 |
| MSN      | Financial Services                | 5,47         | 76.900  | 0,52  | 1,17% | 19,873  | 0,26          | 23,28 | 2,87 |
| MWG      | Technology Hardware & Equipment   | 5,39         | 123.000 | 1,65  | 1,99% | 75,281  | 0,80          | 15,58 | 5,22 |
| VHM      | Real Estate Investment & Services | 4,75         | 88.600  | -0,45 | 1,02% | 27,938  | -0,20         | 19,68 | 6,86 |
| MBB      | Banks                             | 4,73         | 22.700  | 1,34  | 1,57% | 111,105 | 0,57          | 7,62  | 1,54 |
| FPT      | Fixed Line Telecommunications     | 4,63         | 56.100  | 1,08  | 1,81% | 74,634  | 0,45          | 12,90 | 2,86 |
| VCB      | Banks                             | 3,84         | 85.100  | 2,78  | 3,02% | 122,868 | 0,95          | 17,99 | 4,14 |
| NVL      | Real Estate Investment & Services | 3,55         | 62.600  | 0,16  | 1,29% | 20,357  | 0,05          | 17,49 | 2,88 |
| HDB      | Banks                             | 2,88         | 27.600  | 0,73  | 1,28% | 45,195  | 0,19          | 9,53  | 1,73 |
| STB      | Banks                             | 2,87         | 11.000  | 4,76  | 4,27% | 126,076 | 1,19          | 9,13  | 0,78 |
| SAB      | Beverages                         | 2,78         | 258.500 | -0,58 | 1,35% | 1,252   | -0,15         | 38,38 | 9,46 |
| EIB      | Banks                             | 2,67         | 16.800  | -0,59 | 1,81% | 0,058   | -0,15         | 38,69 | 1,33 |
| PNJ      | General Retailers                 | 2,16         | 79.700  | 0,89  | 1,01% | 15,907  | 0,17          | 16,86 | 4,34 |
| VRE      | General Retailers                 | 2,10         | 31.250  | -0,79 | 1,60% | 72,773  | -0,15         | 30,26 | 2,56 |
| GAS      | Oil & Gas Producers               | 1,46         | 99.900  | -0,79 | 1,31% | 42,591  | -0,11         | 16,47 | 4,29 |
| GMD      | Industrial Transportation         | 1,08         | 26.600  | -1,48 | 2,26% | 15,887  | -0,15         | 14,09 | 1,29 |
| BID      | Banks                             | 1,07         | 41.100  | 1,73  | 2,49% | 26,419  | 0,17          | 19,65 | 2,58 |
| SSI      | Financial Services                | 1,00         | 21.400  | 1,42  | 2,38% | 27,315  | 0,13          | 10,71 | 1,16 |
| REE      | Industrial Engineering            | 0,99         | 38.000  | 2,70  | 2,43% | 27,762  | 0,24          | 7,22  | 1,23 |
| CTG      | Banks                             | 0,94         | 20.750  | 0,97  | 1,46% | 23,628  | 0,08          | 14,12 | 1,07 |
| BVH      | Financial Services                | 0,77         | 71.900  | 1,70  | 1,41% | 9,519   | 0,12          | 47,76 | 3,28 |
| SBT      | Food Producers                    | 0,72         | 17.900  | 0,56  | 0,85% | 26,503  | 0,04          | 23,81 | 1,52 |
| ROS      | Construction & Materials          | 0,67         | 25.850  | -0,58 | 1,57% | 496,862 | -0,04         | 72,01 | 2,47 |
| CTD      | Construction & Materials          | 0,58         | 90.600  | -0,66 | 1,99% | 2,554   | -0,04         | 6,69  | 0,86 |
| DPM      | Chemicals                         | 0,35         | 14.600  | 2,82  | 3,91% | 10,421  | 0,09          | 17,13 | 0,74 |

| STT | Thông tin cơ bản HĐTL VN30                      | Đặc điểm sản phẩm   |
|-----|---|---|
| 1   | <b>Mã hợp đồng</b>                              | VN30F-yy-mm   |
| 2   | <b>Tài sản cơ sở</b>                            | Chỉ số cổ phiếu VN30  |
| 3   | <b>Hệ số nhân hợp đồng</b>                      | 100.000 đồng  |
| 4   | <b>Quy mô 01 hợp đồng</b>                       | 100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30   |
| 5   | <b>Tháng đáo hạn</b>                            | -Tháng hiện tại<br>- Tháng tiếp theo<br>- Hai tháng cuối 2 quý gần nhất   |
| 6   | <b>Phương thức giao dịch</b>                    | - Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận   |
| 7   | <b>Thời gian giao dịch</b>                      | <b>GD Khớp lệnh định kỳ</b> - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45<br><b>GD khớp lệnh liên tục</b> - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30<br><b>GD Thỏa thuận</b> - 08h45 - 14h45                                      |
| 8   | <b>Các loại lệnh giao dịch</b>                  | LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC.  |
| 9   | <b>Nguyên tắc khớp lệnh</b>                     | Ưu tiên giá và thời gian.   |
| 10  | <b>Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh</b>      | 01 hợp đồng   |
| 11  | <b>Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh</b>         | 500 hợp đồng  |
| 12  | <b>Đơn vị yết giá/ Bước giá</b>                 | 0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng   |
| 13  | <b>Biên độ dao động</b>                         | +/- 7%  |
| 14  | <b>Ngày giao dịch cuối cùng</b>                 | Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước.  |
| 15  | <b>Ngày thanh toán cuối cùng</b>                | Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng.  |
| 16  | <b>Phương thức thanh toán</b>                   | Thanh toán bằng tiền  |
| 17  | <b>Giá thanh toán hàng ngày</b>                 | Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng.   |
| 18  | <b>Giá thanh toán cuối cùng</b>                 | Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL.   |
| 19  | <b>Giá tham chiếu</b>                           | Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước.  |
| 20  | <b>Mở tài khoản</b>                             | Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS.                                    |
| 21  | <b>Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK</b> | NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng   |
| 22  | <b>Mức ký quỹ ban đầu</b>                       | Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn. |
| 23  | <b>Mức ký quỹ duy trì</b>                       | Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu.  |
| 24  | <b>Ký quỹ bổ sung</b>                           | Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch.  |
| 25  | <b>Thoát khỏi hợp đồng tham gia</b>             | Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó.   |

## TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

## MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601  
[Webiste: www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)  
Hotline: **1900 9088**

## MBS RESEARCH | BỘ PHẬN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

|                   |                          |  |
|-------------------|--------------------------|--|
| Trần Hoàng Sơn    | Trưởng bộ phận/Kiểm soát | <a href="mailto:son.tranhoang@mbs.com.vn">son.tranhoang@mbs.com.vn</a> |
| Phạm Văn Quỳnh    | Chuyên viên nghiên cứu   | <a href="mailto:quynh.phamvan@mbs.com.vn">quynh.phamvan@mbs.com.vn</a> |
| Nguyễn Hòa Hợp    | Chuyên viên nghiên cứu   | <a href="mailto:hop.nguyenhoa@mbs.com.vn">hop.nguyenhoa@mbs.com.vn</a> |
| Nguyễn Thị Hải Hà | Chuyên viên nghiên cứu   | <a href="mailto:ha.nguyenthai@mbs.com.vn">ha.nguyenthai@mbs.com.vn</a> |